TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 29/6/2020
V/v: *"Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sinh

Các Thẩm phán: Ông Đặng Ngọc ba và bà Đinh Thị Như Phượng.

- Thư ký Phiên tòa: Bà Thái Thị Mỹ Nga -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Ông Đoàn Thanh Lương - Kiểm sát viên tham gia Phiên tòa.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2020/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 về "*Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung"*.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 01/2019/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2020/QĐ-PT ngày 29 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông T, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.Có mặt.

- Bị đơn: Bà H, sinh năm 1958; địa chỉ: Số 27C đường Tôn Thất Thuyết, tổ 10, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1959 và bà Trương Thị Cừu, sinh năm 1964; cùng địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

+ Bà Dương Thị L, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn Thanh Giáo, xã Ia Krêl, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

+ Ông Nguyễn Duy X; địa chỉ: Số nhà 20, tổ 13, khu phố 6, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị H, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông T. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên

đơn, ông T trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: ông và bà H sống chung với nhau và có tổ chức đám cưới từ năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn. Hiện nay, giữa ông và bà H đã xảy ra mâu thuẫn, không còn sống chung với nhau nữa. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà H.

+ Về con chung: ông và bà H không có con chung.

+Về tài sản chung: trong thời gian sống chung với nhau, ông và bà H có những tài sản chung gồm:

- Số tiền 2.000.000.000 đồng bà H chuyển nhượng thửa đất số 50, tờ bản đồ số 10, diện tích 163,2m^2 địa chỉ tại số 555 đường Quang Trung, thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai cho vợ chồng ông Đặng Minh Hoằng, bà Lê Thị Hưng. Số tiền này bà H đang giữ.

- Thửa đất lô đất số 45, tờ bản đồ số 17, diện tích 180m^2 tại tổ dân phố 9, đường Tăng Bạt Hổ thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai. Nguồn gốc do nhận chuyển nhượng của ông Thành, bà Khánh vào năm 2010. Đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Thành, hiện do bà H giữ.

- 01 thửa đất rẫy điều tổng diện tích 33.694,9m^2 (gồm số 00, tờ bản đố số 00, diện tích 27.162m^2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 368553 đứng tên Nguyễn Văn Lập, Phạm Thị Hân và phần diện tích còn lại chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) địa chỉ làng Hrang, xã Iakriêng, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai, trên đất có 268 cây điều. Nguồn gốc do ông và bà H nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Văn Lập bà Phạm Thị Hân vào năm 2010. Đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện do bà H giữ.

- Các tài sản khác gồm: 01 xe máy Honda hiệu Ware, biểm kiểm soát 81P7-8443; 02 tivi Samsung; 02 tủ lạnh; 01 bộ bàn ghế gỗ cẩm; 01 bộ đồ nghề sữa chữa xe Honda; 01 máy nóng lạnh; 01 két sắt; 03 tủ đứng, 01 tủ thờ; Toàn bộ đồ dùng bán quan cơm, phở; 02 bình oxy lớn và toàn bộ đồ nghề nuôi cá, bán cá giống.

Ngoài ra, ngày 04/12/2018, ông T khởi kiện bà H, yêu cầu chia tài sản chung là quầy bán cá tại chợ Đức Cơ, Gia Lai trị giá 350.000.000 đồng. Ngày 28/5/2019, ông Tài rút yêu cầu khởi kiện này.

Ông Tài yêu cầu Tòa án chia tài sản chung giữa ông và bà H. Nguyện vọng là được nhận ½ giá trị tài sản chung.

- Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn, H trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà sống chung với ông T từ tháng 6/2003 cho đến năm 2014 không có đăng ký kết hôn. Bà và ông Tài không phải là vợ chồng. Ông Tài xin ly hôn bà là không có căn cứ.

+ Về con chung: Giữa bà và ông Tài không có con chung.

+ Về tài sản chung: Bà và ông Tài có tài sản chung là 16.488,5m^2 đất tại xã Ia Kriêng, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai. Theo bà H, tài sản trên đất có 1040 cây cao su trồng năm 2007 – 2008 (theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/12/2018 thì trên đất có 780 cây cao su). Nguồn gốc tài sản này do bà và ông Tài nhận chuyển nhượng của ông Vũ Văn Quân vào năm 2007. Việc nhận chuyển nhượng chỉ thỏa thuận bằng miệng. Hiện tại, ông Tài đã bán vườn cây cao su này cho bà Dương Thị Lý. Bà khởi kiện ông Tài yêu cầu chia tài sản chung này.

Những tài sản khác mà ông Tài cho là tài sản chung thực chất là tài sản riêng của bà, nguồn gốc có trước khi sống chung với ông Tài. Bà không chấp nhận toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung của ông Tài.

- Trong quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Duy Xuyên trình bày:

Ông là em trai của ông T. Năm 2008, ông nhờ ông Tài mua rẫy 16.488,5m^2 đất để trồng cao su. Ông Tài đã nhận chuyển nhượng rẫy điều của ông Vũ Văn Quân giúp ông. Việc nhận chuyển nhượng đất giữa ông Tài và ông Quân lập thành văn bản. Sau đó, ông nhờ ông Tài và bà H thuê người phá cây điều, đào hố trồng cao su thay thế. Đầu năm 2018, ông ủy quyền cho ông Tài chuyển nhượng thửa đất rẫy cao su cho bà Dương Thị Lý với giá 700.000.000 đồng. Bà H cho rằng, vườn cây cao su này là tài sản chung của bà H và ông Tài là không đúng.

- Trong quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Phạm Thị Hân trình bày:

Chồng bà tên Nguyễn Văn Lập, đã chết năm 2012. Vợ chồng bà có thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00 tại làng Hrang, xã Iakriêng, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai. Đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2010, ông T và bà H cùng nhau đến nhà bà thỏa thuận nhận chuyển nhượng thửa đất này với giá 230.000.000đ. Việc chuyển nhượng đất có lập Giấy viết tay, có chữ ký của vợ chồng bà và chữ ký của bà H, ông Tài. Vợ chồng bà đã giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Tài, bà H và đã nhận tiền. Nay bà không còn liên quan đến thửa đất, đề nghị Nguồn gốc tiền nhận chuyển nhượng đất như thế nào thì bà không biết.

- Trong quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Dương Thị Lý trình bày:

Bà biết ông T có nhu cầu chuyển nhượng rẫy cao su. Ông Tài nói rằng rẫy này là của em ông Tài tên Nguyễn Duy Xuyên. Vì ông Xuyên đang sinh sống ở xa, không có điều kiện trực tiếp canh tác nên ủy quyền cho ông Tài chuyển nhượng. Năm 2018, bà nhận chuyển nhượng từ ông Tài vườn cây cao su (trong đó có một số cây điều) với giá 700.000.000 đồng. Việc nhận chuyển nhượng đất với ông Tài được lập thành văn bản, do ông Tài viết, các bên đã giao tiền đủ và nhận rẫy canh tác. Đề nghị tòa giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật.

- Trong quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Trương Thị Cừu trình bày:

Năm 2014, một mình bà H trực tiếp vay của bà 250.000.000 đồng. Năm 2015, bà H trả nợ cho bà bằng cách chuyển nhượng thửa đất số 45, tờ bản đồ số 17, diện tích 180m^2 tại tổ dân phố 9, đường Tăng Bạt Hổ thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai. Việc chuyển nhượng đất thửa đất có lập thành văn bản hiện bà đang giữ. Thửa đất của bà H đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Vũ Văn Thành và bà Lê Thị Khánh. Bà H giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất cho bà. Đề nghị tòa giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Hữu Hủy :

Quá trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông Hủy đều vắng mặt.

Do đó, hồ sơ không có lời khai, ý kiến của ông Hủy.

- Những người làm chứng:

+ Ông Nguyễn Đức Quang trình bày: Thửa đất tại địa chỉ số 555 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 10) đường Quang Trung, thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai trước đây là tài sản của vợ chồng ông. Năm 2001, vợ chồng chuyển nhượng cho bà H với giá 100.000.000 đồng. Trên đất chuyển nhượng có 01 căn nhà. Việc nhận chuyển nhượng nhà đất được lập thành Giấy viết tay, đất chuyển nhượng chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cho đến năm 2010, ông mới được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất đã chuyển nhượng cho bà H. Tháng 10/2010, vợ chồng ông hoàn tất thủ tục sang tên thửa đất cho bà H.

+ Ông Đặng Minh Hoằng và bà Lê Thị Hưng trình bày: Ông Hoằng và bà Hưng là vợ chồng. Bà H là chị của bà Hưng. Tháng 10/2015, vợ chồng ông, bà nhận chuyển nhượng nhà, đất tại số 555 Quang Trung, thị trấn Chư Ty, Đức Cơ, Gia Lai của bà H, tài sản trên đất có căn nhà với giá 2.000.000.000 đồng. Đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bìa đỏ) đứng tên bà H, là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 10, diện tích 163,2m^2.

- Ông Vũ Văn Quân trình bày: Ông có thửa đất diện tích khoảng 05ha, địa chỉ tại xã Ia Kriêng, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai. Năm 2008, ông chuyển nhượng cho ông T 04ha với giá 16.000.000 đồng. Việc chuyển nhượng đất được lập giấy viết tay. Một mình ông Tài trực tiếp thỏa thuận chuyển nhượng đất với ông. Ông Tài là người viết giấy sang nhượng đất và là người trực tiếp giao tiền cho ông. Chữ ký Vũ Văn Quân trong Giấy sang nhượng là chữ ký của ông.

Còn lại 01 ha, ông chuyển nhượng cho vợ chồng anh Hải (vợ tên Nguyệt) vào cuối năm 2008. Sau đó, vợ chồng anh Hải chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Duy Xuyên.

- Ông Bùi Văn Hải trình bày: Khoảng năm 2008, 2009, ông có nhận chuyển nhượng của ông Vũ Văn Quân 01 ha đất đã trồng cây điều địa chỉ gần suối Ia Kriêng, Đức Cơ, Gia Lai. Việc chuyển nhượng đất được lập giấy viết tay. Sau khi nhận chuyển nhượng đất của ông Quân, khoảng 02 hoặc 03 tháng sau thì ông chuyển nhượng lại cho anh Xuyên (em của ông Tài).

2. Giải quyết của tòa án cấp sơ thẩm:

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 01/2019/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 01 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ các Điều 8, 14, 16 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 219, 357 của Bộ luật dân sự; các Điều 144, 147, 157, 158, 160, 161, 165, 166, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận ông T và bà H là vợ chồng.

2. Về chia tài sản chung:

- Giao cho bà H các tài sản gồm: thửa đất tổng diện tích 33.694,9m^2 (gồm số 00, tờ bản đố số 00, diện tích 27.162m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 368553 đứng tên Nguyễn Văn Lập, Phạm Thị Hân và phần diện tích còn lại chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất – Theo sơ đồ đất được đo vẽ kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 18/4/2019, địa chỉ: tại làng Hrang, xã Iakriêng,

huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai, tài sản trên đất có 268 cây điều, tổng trị giá 449.000.000 đồng (bốn trăm bốn mươi chín triệu đồng).

- Bà H có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch về tài sản cho ông Tài 224.500.000 đồng (hai trăm hai mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung là quầy cá tại chợ Đức Cơ, Gia Lai trị giá 350.000.000 đồng của ông T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và nghĩa vụ nộp án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

3. Về kháng cáo, kháng nghị:

- Ngày 13 tháng 01 năm 2020, nguyên đơn ông T có đơn kháng cáo hủy toàn bộ nội dung bản án số hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2020/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 01 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn bà H không kháng cáo

- Bản án không bị kháng nghị.

4. Diễn biến phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông T trình bày:

+ Ông nguyện vọng đề nghị bà H giao cho tôi được sử dụng toàn bộ diện tích 33.694,9m^2 do ông và bà H nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Lập và bà Phạm Thị Hân, trên thửa đất có 268 cây điều. Trong đó: Diện tích được đã được cấp giấy CNQSD đất số AO 368553 ngày 24/02/2010 hiện đang đứng tên Nguyễn Văn Lập, Phạm Thị Hân thửa đất số 00, tờ bản đố số 00 có diện tích 27.162m^2. Qua thẩm định thực tế hiện nay thửa đất được đổi thành các thửa số 14, tờ bản đồ số 174 có diện tích 15326m^2 và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 174 diện tích 12963,1m^2. Và diện tích đất chưa được cấp giấy CNQSD đất thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ số 174 có diện tích 3867.8m^2 và thửa số 16, tờ bản đồ số 174 có diện tích 1538m^2.

Về giấy CNQSD đất và các giấy tờ liên quan đến diện tích đất trên tôi đang giữ,

- Tôi đồng ý giao hết toàn bộ các tài sản sinh hoạt gồm: 01 bộ bàn ghế gỗ cẩm salon thẻ gồm 01 bàn, 01 ghế đôi, 03 ghế đơn; 01 xe máy Honda hiệu Ware, biểm kiểm soát 81P7-8443 (đăng ký chủ xe H); 01 tivi samsung 21inch; 01 két sắt hiệu Việt – Mỹ; 01 tủ quần áo gỗ bằng lăng; 01 tủ gỗ hương; 01 tủ lạnh hiệu Sanaky; 01 tủ đứng bằng tôn; 01 máy lạnh hiệu Tân Á cho bà H quản lý sở hữu và sử dụng.

Ngoài ra tôi không yêu cầu chia tài sản nào khác.

Nếu bà H đồng ý yêu cầu của tôi đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận này cho ông và bà H.

- Bị đơn bà H trình bày:

Bà đồng ý với toàn bộ yêu cầu của ông T. Đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận này cho bà và ông Tài.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Về chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng qui định pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án: Các đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là ông T và bà H trình bày: Trong quá trình chung sống ông và bà có tài sản chung như sau:

- Diện tích đất rẫy 33.694,9m^2 tại Làng Hrang, xã Ia kriêng, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Lập và bà Phạm Thị Hân, trên đất có 268 cây điều. Trong đó: Diện tích nằm trong giấy CNQSD đất số AO 368553 được UBND huyện Đức Cơ cấp ngày 24/02/2010 đang đứng tên Nguyễn Văn Lập, Phạm Thị Hân thuộc thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00 (cũ) có diện tích 27.162m^2 và diện tích chưa được cấp giấy CNQSD là 6.532,9m^2. Qua thẩm định thực tế hiện nay thửa đất được cấp giấy CNQSD đất đã đổi thành các thửa số 14, tờ bản đồ số 174 có diện tích 15.326m^2 và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 174 diện tích 12.963,1m^2. Còn diện tích đất chưa được cấp giấy CNQSD đất thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ số 174 có diện tích 3.867,8m^2 và thửa số 16, tờ bản đồ số 174 có diện tích 1.538m^2.

- Các tài sản sinh hoạt: Gồm 01 bộ bàn ghế gỗ cẩm salon thẻ gồm 01 bàn, 01 ghế đôi, 03 ghế đơn; 01 xe máy Honda hiệu Ware, biểm kiểm soát 81P7-8443 (đăng ký chủ xe H); 01 tivi samsung 21inch; 01 két sắt hiệu Việt – Mỹ; 01 tủ quần áo gỗ bằng lăng; 01 tủ gỗ hương; 01 tủ lạnh hiệu Sanaky; 01 tủ đứng bằng tôn; 01 máy lạnh hiệu Tân Á.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Tài và bà H có thỏa thuận thống nhất phân chia các tài sản:

+ Giao cho ông T được quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất có diện tích 27.162m^2 và 268 cây điều nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Lập và bà Phạm Thị Hân tại Làng Hrang, xã Ia kriêng, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai theo giấy CNQSD đất số AO 368553 được UBND huyện Đức Cơ cấp ngày 24/02/2010 đang đứng tên Nguyễn Văn Lập, Phạm Thị Hân thuộc thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00 (cũ). Qua thẩm định thực tế hiện nay thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00 đã đổi thành các thửa số 14, tờ bản đồ số 174 có diện tích 15.326m^2 và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 174 diện tích 12.963,1m^2

+ Tạm giao cho ông T được quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất có diện tích 6.532,9m^2. Qua thẩm định thực tế hiện nay thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ số 174 có diện tích 3.867.8m^2 và thửa số 16, tờ bản đồ số 174 có diện tích 1.538m^2.

Tổng giá trị tài sản ông Tài được nhận là 449.000.000 đồng *(Bốn trăm bốn mươi chín triệu đồng)*

+ Giao cho bà Nguyễn Thị H được quyền quản lý sử dụng và sở hữu các tài sản sinh hoạt: Gồm 01 bộ bàn ghế gỗ cẩm salon thẻ gồm 01 bàn, 01 ghế đôi, 03 ghế đơn; 01 xe máy Honda hiệu Ware, biểm kiểm soát 81P7-8443 (đăng ký chủ xe H); 01 tivi samsung 21inch; 01 két sắt hiệu Việt – Mỹ; 01 tủ quần áo gỗ bằng lăng; 01 tủ gỗ hương; 01 tủ lạnh hiệu Sanaky; 01 tủ đứng bằng tôn; 01 máy lạnh hiệu Tân Á.

Tổng giá trị tài sản bà H được nhận là 20.700.000 đồng *(Hai mươi triệu bảy trăm ngàn đồng)*

Xét thấy các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và sự thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Án phí dân sự:

- Về phúc thẩm: Ông Tài phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng)

- Án phí sơ thẩm: Các bên đương sự thống nhất tại biên bản định giá về diện tích đất tranh chấp có giá trị là 449.000.000đ. Ông Tài được hưởng phần tài sản này nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: [20.000.000 + (49.000.000 x 4%)] = 21.960.000đ *(Hai mươi mốt triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng),* được khấu trừ 26.400.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp và được hoàn trả số tiền nộp dư. Bà H phải chịu án phí phần giá trị tài sản được hưởng có giá trị 20.700.000đ x 5% = 1.035.000đ *(Một triệu không trăm ba mươi lăm ngàn đồng)*.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2019/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai về phần phân chia tài sản chung.

2. Công nhận sự thỏa thuận của ông T và bà Nguyễn Thị H như sau:

+ Giao cho ông T được quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất có diện tích 27.162m^2 và 268 cây điều nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Lập và bà Phạm Thị Hân tại Làng Hrang, xã Ia kriêng, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai theo giấy CNQSD đất số AO 368553 được UBND huyện Đức Cơ cấp ngày 24/02/2010 đang đứng tên Nguyễn Văn Lập, Phạm Thị Hân thuộc thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00 (cũ). Qua thẩm định thực tế hiện nay thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00 đã đổi thành các thửa số 14, tờ bản đồ số 174 có diện tích 15.326m^2 và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 174 diện tích 12.963,1m^2.

+ Tạm giao cho ông T được quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất có diện tích 6.532,9m^2. Qua thẩm định thực tế hiện nay thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ số 174 có diện tích 3.867.8m^2 và thửa số 16, tờ bản đồ số 174 có diện tích 1.538m^2.

Tổng giá trị tài sản ông Tài được nhận là 449.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi chín triệu đồng)

Ông T có quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất theo qui định.

(Có sơ đồ diện tích đất giao cho ông Tài, là bộ phận của bản án)

+ Giao cho bà Nguyễn Thị H được quyền quản lý sử dụng và sở hữu các tài sản sinh hoạt: Gồm 01 bộ bàn ghế gỗ cẩm salon thẻ gồm 01 bàn, 01 ghế đôi, 03 ghế đơn; 01 xe máy Honda hiệu Ware, biểm kiểm soát 81P7-8443 (đăng ký chủ xe H); 01 tivi samsung 21inch; 01 két sắt hiệu Việt – Mỹ; 01 tủ quần áo gỗ bằng lăng; 01 tủ gỗ hương; 01 tủ lạnh hiệu Sanaky; 01 tủ đứng bằng tôn; 01 máy lạnh hiệu Tân Á.

Tổng giá trị tài sản bà H được nhận là 20.700.000 đồng (Hai mươi triệu bảy trăm ngàn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0002466 ngày 20/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai (ông Tài đã nộp đủ).

Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.960.000đ (Hai mươi mốt triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Ông Tài được khấu trừ 26.400.000 (Hai mươi sáu triệu bốn trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006538 ngày 04/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai. Trả lại cho ông Tài 4.440.000đ (Bốn triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí còn dư.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.035.000đ (Một triệu không trăm ba mươi lăm ngàn đồng). Bà H được khấu trừ 3.750.000đ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002901 ngày 26/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai. Trả lại cho bà H 2.715.000đ (Hai triệu, bảy trăm mười lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí còn dư.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện Đức Cơ;
- Chi cục THADS huyện Đức Cơ;
- Các đương sự;
- Lưu tòa, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Sinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu tòa, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa Pên tòa

Hà Viết Toàn